



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN TIN THAN NGÀY

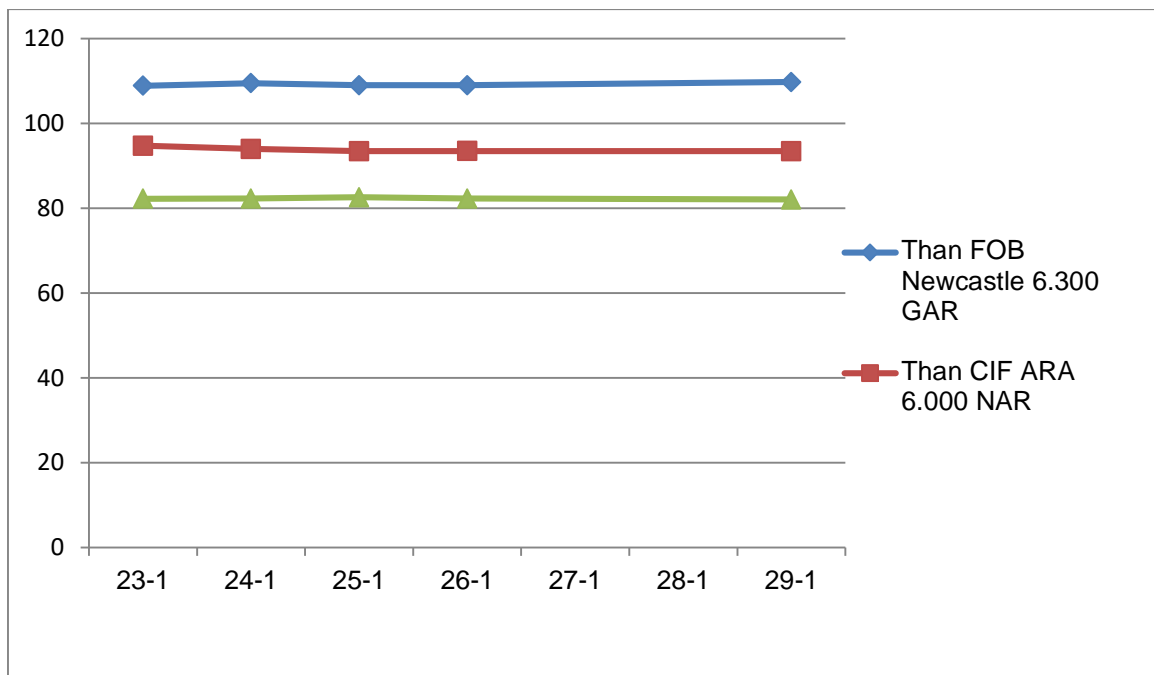
Ngày 30/01/2018

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	109,75	+0,75	109,30	+0,80
CIF ARA 6.000 NAR	93,45	-0,05	93,50	-0,05
FOB Richards Bay 5.500 NAR	81,55	-0,75	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	88,00	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	71,70	+0,20

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	57,40	+0,25	423,21	+2,10
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	79,50	+0,15	586,16	+1,48
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	94,80	+0,30	698,97	+2,64

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 29/01/2018)

ĐIỂM TIN

Giá than nhiệt trên thị trường Châu Á tăng trong phiên giao dịch đầu tuần

Trong nửa cuối tháng 1, mưa lớn ở những vùng sản xuất than chính của Indonesia đã khiến nguồn cung khan hiếm. Trong khi đó nhiệt độ xuống thấp dẫn đến nhu cầu sử dụng điện than tại Nhật Bản tăng cao. Đồng thời mưa tuyết tại Trung Quốc đã ảnh hưởng đến hoạt động logistics và làm gián đoạn nguồn cung than nội địa của nước này. Một số công ty than Trung Quốc đã giảm giá than 10 - 15 NDT/tấn vài tuần trước, nhưng hiện tại một số công ty than nhỏ hơn đã tăng giá trở lại. Nguyên nhân do mưa tuyết rơi dày ở các khu vực phía Bắc Trung Quốc đã ảnh hưởng đến các tuyến đường sắt vận chuyển than, dẫn đến một số công ty mỏ đã bắt đầu tăng giá thêm 10 – 15 NDT/tấn. Chi phí vận chuyển than nhiệt nội địa từ một số vùng khai thác than ở phía Bắc đến các cảng ven biển cũng đang có xu hướng tăng và giá than sẽ không thể giảm trong thời gian tới.

Tại cảng Qinhuangdao, than nội địa 5.500 kcal/kg NAR giao theo chuyển đã được giao dịch ở mức 760 NDT/tấn, điều kiện FOB, trong khi giá chào bán ở mức 765 NDT/tấn. Giá chào cho than nội địa 5.000 kcal/kg NAR ở mức 685 - 690 NDT/tấn, điều kiện FOB Qinhuangdao. Ngoài nguyên nhân do tắc nghẽn đường sắt, các công ty thương mại tại cảng Qinhuangdao đang đẩy nhanh quá trình giao dịch do lo ngại rủi ro từ việc chính phủ trung ương can thiệp đến thị trường than, mặc dù hiện nay chưa có thông báo chính thức. Tuy nhiên nguyên nhân chính khiến nhu cầu mua than nhiệt ở Trung Quốc tăng cao vẫn là những lo ngại về tuyến đường sắt bị ảnh hưởng bởi mưa tuyết.

Nhật Bản tăng cường mua than khi nhiệt độ xuống thấp

Trong ngày 29/1, giá than nhiệt giao đến Nhật Bản đã tăng mạnh trên thị trường Châu Á lên mức đỉnh mới 108,60 USD/tấn cho than 5.750 kcal/kg NAR, điều kiện CFR Kinuura. Theo báo cáo của Cơ quan Khí tượng Thủy văn Nhật Bản, nhiệt độ tại Tokyo đã xuống mức -4°C trong ngày thứ 5 - ngày lạnh nhất kể từ tháng 1 năm 1970 và nhiệt độ tiếp tục dưới 0°C đến cuối tuần trước dẫn đến nhu cầu điện tăng cao ở Tokyo.

Điều này đã dẫn đến giá chào cho các chuyến hàng giao cuối tháng 2, đầu tháng 3 cho than nhiệt trị giá cao Australia trên thị trường là gần 100 USD/tấn, điều kiện CFR Nam Trung Quốc, mặc dù không có nhiều gói thầu trong ngày thứ 2. Cụ thể than Queensland 5.500 kcal/kg NAR giao trong tháng 2 được giao dịch ở mức 87,5 USD/tấn, điều kiện FOB Gladstone cuối tuần trước. Giá cước vận tải từ Gladstone đến Châu Á thấp hơn so với Newcastle, và do đó các chuyến hàng xuất từ cảng này có xu hướng giao dịch với giá cao hơn so với xuất từ cảng New South Wales. Trong khi đó than nhiệt Newcastle 5.500 kcal/kg NAR hiện đang rất khan hiếm, các khách hàng sẵn sàng trả khoảng 85 USD/tấn, điều kiện FOB cho loại than này giao trong tháng 3 và giá có thể tăng lên đến 88 USD/tấn. Hiện tại giá cước vận chuyển hàng khô rời trên tàu Capesize từ Australia đến Trung Quốc ở mức 9,7 USD/tấn, giá cước tàu Panamax từ Australia đến Indonesia ở mức 7,15 USD/tấn.

Cảng Richards Bay ghi nhận kỷ lục xuất khẩu than trong năm 2017

Cảng Richards Bay (RBCT), Nam Phi mới đây đã ghi nhận kỷ lục xuất khẩu than trong năm 2017 với 76,47 triệu tấn, tăng 5,37% so với năm 2016. Cảng vụ cho biết trên thực tế khối lượng đã có thể lên cao hơn nữa nhưng tuyến đường sắt gặp trục trặc và ít nhất 2 cơn bão lớn đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tổng sản lượng than xuất khẩu. Theo số liệu Hải quan, 81,6% trong tổng khối lượng được xuất sang Châu Á, trong đó Ấn Độ nhập khẩu 46,8% tương đương với 35,76 triệu tấn. Tại các thị trường khác, 10,1% khối lượng xuất đi Châu Âu và 7,8% được xuất sang Châu Phi. Trong năm 2017, đã có 907 tàu cập cảng và làm hàng tại RBCT, giảm 6 chiếc so với năm 2016. Cụ thể số lượng tàu Capesize đã tăng từ 232 chiếc năm 2016 lên 279 chiếc năm 2017, tuy nhiên số lượng tàu Panamax giảm 62 chiếc xuống còn 221 chiếc cho năm 2017, số lượng tàu Handysize ổn định ở mức 407 tàu.

(Nguồn: Platts)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize	Úc	Trung Quốc	8,50	+0,15
(150.000 tấn)	Queensland	Nhật Bản	9,75	+0,00
	New South Wales	Hàn Quốc	10,25	+0,00

Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	13,00	-0,20
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	8,90	-0,10
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	13,30	-0,20
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	7,40	-0,10
	Úc	Trung Quốc	12,30	+0,00
	Úc	Ấn Độ	13,45	+0,00

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 29/01/2018)